

Name:

Grammar:

Class: S2...

Listening:

Tel: 034 200 9294



Mini Test:

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....

GLOBAL ENGLISH 2

Unit 2 - Good neighbours – Grammar Revision

A. Extra vocabulary (Từ vựng mở rộng)

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	clean (v)	lau dọn, làm sạch	8	weekends (n)	cuối tuần
2	tablet (n)	máy tính bảng	9	armchair (n)	ghế bành
3	meatball (n)	thịt viên	10	radio (n)	đài ra-đi-ô
4	people (n)	người	11	example (n)	ví dụ
5	delicious (adj)	ngon	12	grow up (v)	lớn lên
6	mistake (n)	lỗi sai	13	race (n)	cuộc đua
7	bark (v)	sủa	14	stranger (n)	người lạ

Note: v = verb: động từ; n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ

B. Homework

I. Choose the correct answer to fill in the blank (Con hãy chọn từ chính xác để điền vào chỗ trống)

0. Every Saturday, I (clean) / cleans) _____ the house with my family.

1. On weekends, we usually (have / has) _____ a family dinner.

2. She often (sits / sit) _____ in her armchair to read a book.

3. She likes pasta but I (doesn't like / don't like) _____ pasta.

4. He (listens / listen) _____ to the radio every night.

5. She (doesn't wants / doesn't want) _____ to visit her grandparents on Saturdays.

II. Complete the sentences using the correct ordinal number from the brackets (Điền vào chỗ trống số thứ tự của từ trong ngoặc)

0. It's the tenth time you make this mistake. (10th)

1. My birthday is on the _____ of June. (3rd)

2. She finished _____ in the race. (5th)

3. The _____ book on the shelf is the newest. (7th)

4. He is the _____ student in the class. (1st)

5. We will meet on the _____ day of the week. (6th)

III. Read and answer the following questions (Đọc và trả lời các câu hỏi dưới đây)

0. When is your teacher's birthday? My teacher's birthday is on December 5th.
1. When is your birthday? _____
2. When is your mom's birthday? _____
3. When is your dad's birthday? _____
4. When is your sibling's birthday? _____
5. When is your best friend's birthday? _____

IV. Unscamble the sentence (Sắp xếp các từ thành câu hoàn chỉnh)

0. at / school / every / day. / I / study
I study at school every day.
1. strangers. / The / barks / loudly / at / dogs

2. My / plays / the guitar / brother / every / weekend.

3. is/ birthday? / your / When

4. like / to / We / movies. / watch / action

5. The / opens / at / library / 10 / AM.

V. Choose the suitable word to fill in the blank (Con hãy chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống tương ứng)

There are many people with different jobs. For example, the teachers ____ (0) ____ students at school and the nurses ____ (1) ____ people in the hospital. My mom is a baker. She ____ (2) ____ the most delicious cake and bread. My dad is a police officer. He ____ (3) ____ in a police station. He ____ (4) ____ people doing bad things. I am a student. When I grow up, I ____ (5) ____ to be a painter.

- | | |
|---------------------|------------------|
| 0. <u>A</u> . teach | B. teaches |
| 1. A. help | B. helps |
| 2. A. bake | B. bakes |
| 3. A. work | B. works |
| 4. A. doesn't like | B. doesn't likes |
| 5. A. want | B. wants |

Các con nghe bài ở link này: https://drive.google.com/file/d/1DY-1mzXJONse-sIqEDGYfG3BV8omAc1/view?usp=drive_link

Part 3

– 5 questions –

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

Where is Alex now?



A ☐



B ☒



C ☐

1 What is Dad doing?



A ☐



B ☐



C ☐

2 Which is Anna's sister?



A ☐



B ☐



C ☐

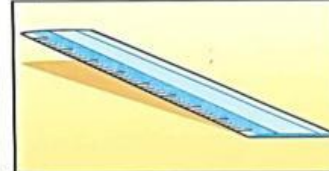
3 What is in Sam's school bag?



A ☐



B ☐



C ☐

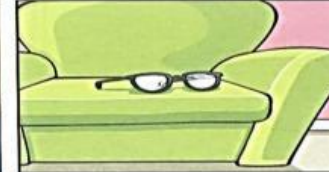
4 Where are Grandpa's glasses?



A ☐



B ☐



C ☐

5 What is May drawing?



A ☐



B ☐



C ☐